

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

ĐỖ VĂN ĐẠT

**THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG
TẠI TỈNH HƯNG YÊN**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, 2026

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế thế giới đang bước vào giai đoạn tái cấu trúc mạnh mẽ dưới tác động của chuyển đổi số, chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu, cạnh tranh địa chính trị và yêu cầu phát triển xanh, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục giữ vai trò là động lực quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của các quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, xu hướng thu hút FDI hiện nay không còn đơn thuần dựa trên lợi thế chi phí lao động thấp hay ưu đãi thuế ngắn hạn, mà chuyển mạnh sang lựa chọn các địa phương có năng lực quản trị tốt, hạ tầng đồng bộ, môi trường đầu tư minh bạch và định hướng phát triển bền vững. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các địa phương của Việt Nam nói chung và tỉnh Hưng Yên nói riêng trong việc đổi mới tư duy và hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm nâng cao chất lượng thu hút FDI trong giai đoạn phát triển mới.

Đối với Việt Nam, khu vực FDI đã và đang đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP, kim ngạch xuất khẩu, giải quyết việc làm và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển thời gian qua cũng cho thấy nhiều hạn chế như chất lượng công nghệ chuyển giao chưa cao, tỷ lệ nội địa hóa thấp, liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước còn yếu, hiệu quả lan tỏa về năng suất và đổi mới sáng tạo chưa tương xứng với quy mô vốn đầu tư. Trong bối cảnh Chính phủ triển khai chiến lược phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và cam kết phát thải ròng bằng “0” đến năm 2050, yêu cầu thu hút FDI theo hướng chất lượng cao, thân thiện môi trường và gắn với phát triển bền vững trở thành vấn đề mang tính chiến lược lâu dài. Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị đã khẳng định rõ quan điểm chuyển từ “thu hút FDI bằng mọi giá” sang “lựa chọn FDI có chọn lọc”, ưu tiên các dự án công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, sử dụng hiệu quả tài nguyên và có khả năng tạo giá trị gia tăng lớn cho nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, tỉnh Hưng Yên đang đứng trước cả cơ hội lớn và áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trong thu hút vốn đầu tư quốc tế. Với vị trí chiến

lược nằm ở trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng, thuộc vùng Thủ đô Hà Nội và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Hưng Yên có nhiều lợi thế nổi bật về kết nối giao thông, khả năng tiếp cận thị trường, logistics và phát triển công nghiệp. Những năm gần đây, tỉnh đã trở thành điểm đến hấp dẫn của nhiều tập đoàn đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, cơ khí và công nghiệp hỗ trợ. Hệ thống khu công nghiệp phát triển nhanh cùng quá trình đô thị hóa mạnh mẽ đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp – dịch vụ hiện đại.

Xuất phát từ những yêu cầu lý luận và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu đề tài “Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên” có ý nghĩa đặc biệt cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận về thu hút FDI gắn với phát triển bền vững ở cấp địa phương mà còn cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chính sách tài chính, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, lựa chọn dòng vốn FDI chất lượng cao và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững của tỉnh Hưng Yên trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát của luận án là hệ thống hóa, luận giải và bổ sung cơ sở lý luận, thực tiễn về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gắn với phát triển kinh tế bền vững ở cấp địa phương; trên cơ sở đó đánh giá thực trạng thu hút FDI tại tỉnh Hưng Yên, xác định các nhân tố ảnh hưởng và đề xuất hệ thống giải pháp tài chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững của dòng vốn FDI đến năm 2030.

Mục tiêu cụ thể:

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về thu hút FDI phát triển kinh tế bền vững dưới góc độ tài chính – ngân hàng.

Phân tích các nhân tố và công cụ tài chính ảnh hưởng đến khả năng thu hút FDI ở cấp địa phương.

Đánh giá thực trạng thu hút FDI, vai trò của chính sách và công cụ tài chính trong thu hút FDI tại tỉnh Hưng Yên.

Đề xuất các giải pháp tài chính và kiến nghị nhằm tăng cường thu hút FDI phục vụ phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến thu hút vốn FDI phục vụ phát triển kinh tế bền vững ở cấp địa phương, trọng tâm là các cơ chế, chính sách và giải pháp tài chính tác động đến khả năng thu hút, lựa chọn và nâng cao chất lượng dòng vốn FDI tại tỉnh Hưng Yên. Luận án tiếp cận FDI không chỉ theo quy mô vốn mà còn theo chất lượng, hiệu quả, khả năng lan tỏa về kinh tế, xã hội và môi trường.

Nội dung nghiên cứu tập trung làm rõ vai trò của chính sách tài chính công, ưu đãi đầu tư, chi ngân sách cho hạ tầng, tín dụng, hỗ trợ tài chính, môi trường đầu tư, năng lực quản trị địa phương, chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng đối với thu hút FDI theo hướng công nghệ cao, thân thiện môi trường, liên kết với doanh nghiệp trong nước và phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp hiện đại của tỉnh.

Phạm vi nghiên cứu

Về không gian, luận án nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, một địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có lợi thế về vị trí địa kinh tế, kết nối giao thông, phát triển khu công nghiệp, logistics và công nghiệp chế biến, chế tạo. Việc lựa chọn Hưng Yên có ý nghĩa thực tiễn vì tỉnh đang chuyển đổi mạnh sang mô hình tăng trưởng công nghiệp hiện đại nhưng đồng thời đối mặt với yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

Về nội dung, luận án phân tích thực trạng thu hút FDI, đánh giá nhân tố ảnh hưởng và hiệu quả các chính sách tài chính trong tạo lập môi trường đầu tư cạnh tranh, minh bạch, ổn định. Về thời gian, luận án tập trung đánh giá giai đoạn

2000–2025, trong đó chú trọng giai đoạn 2020–2025, đồng thời đề xuất giải pháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Luận án sử dụng kết hợp dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ Niên giám thống kê, báo cáo của Bộ Tài chính, Cục Đầu tư nước ngoài, các báo cáo kinh tế - xã hội và báo cáo thu hút đầu tư của tỉnh Hưng Yên, văn bản pháp luật, quy hoạch, chiến lược phát triển, cùng các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước. Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng bảng hỏi đối với cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp FDI và chuyên gia; các biến quan sát đo bằng thang Likert 5 mức độ. Kết quả khảo sát có 279 phiếu hợp lệ sau khi làm sạch dữ liệu.

4.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Luận án kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng. Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh và logic học được sử dụng để hệ thống hóa lý luận, phân tích chính sách và bối cảnh phát triển của Hưng Yên. Dữ liệu khảo sát 279 phiếu hợp lệ được xử lý bằng SPSS 22 thông qua thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính đa biến nhằm xác định mức độ, chiều hướng tác động của các nhân tố đến quyết định đầu tư FDI tại tỉnh Hưng Yên.

4.3. Khung nghiên cứu của luận án

Khung nghiên cứu của luận án được xây dựng trên cơ sở mối quan hệ giữa các nhân tố thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2000–2025, tầm nhìn đến năm 2030.

5. Những đóng góp của luận án

5.1. Đóng góp về mặt khoa học

Thứ nhất, luận án hệ thống hóa, bổ sung và làm rõ cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn với phát triển kinh tế bền vững ở cấp địa

phương, qua đó góp phần làm rõ nội hàm, vai trò và các tiêu chí đánh giá thu hút FDI phát triển kinh tế bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Thứ hai, trên cơ sở tổng hợp lý thuyết và các nghiên cứu trước, luận án xây dựng và kiểm định khung nghiên cứu về mối quan hệ giữa các nhân tố thu hút FDI và phát triển kinh tế bền vững, trong đó làm rõ vai trò trung gian của FDI đối với các trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường của phát triển bền vững ở cấp tỉnh.

Thứ ba, luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm thông qua phân tích định lượng dựa trên dữ liệu khảo sát với 279 phiếu hợp lệ, sử dụng các kỹ thuật thống kê hiện đại (Cronbach's Alpha, EFA và hồi quy đa biến), góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho các nghiên cứu về tác động của FDI đến phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng ở cấp địa phương.

5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Thứ nhất, luận án đánh giá một cách toàn diện và có hệ thống thực trạng thu hút và sử dụng vốn FDI tại tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2000–2025 trong đó tập trung phân tích sâu giai đoạn 2020-2025; trên cơ sở đó chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, qua đó cung cấp bức tranh thực tiễn có giá trị tham khảo cho các nhà quản lý và hoạch định chính sách của tỉnh.

Thứ hai, trên cơ sở kết quả phân tích định tính và định lượng, luận án xác định các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút và sử dụng FDI phục vụ phát triển kinh tế bền vững, làm cơ sở khoa học cho việc điều chỉnh và hoàn thiện các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn mới.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mục lục, danh mục chữ viết tắt, danh mục sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu, phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn với phát triển kinh tế bền vững ở cấp tỉnh

Chương 2: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn với phát triển kinh tế bền vững ở cấp tỉnh

Chương 3: Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn với phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên

Chương 4: Giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn với phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên đến năm 2030

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở CẤP TỈNH

1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.1. Nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới

Các nghiên cứu quốc tế về FDI đã chuyển từ cách tiếp cận nhấn mạnh đóng góp của FDI đối với tăng trưởng kinh tế sang xem xét FDI trong khung phát triển bền vững. Các công trình của Dunning, Borensztein, Blomström, Kokko, Alfaro và các nghiên cứu gần đây của OECD, UNCTAD, World Bank cho thấy FDI có thể tạo vốn, công nghệ, việc làm và năng lực quản trị cho nước tiếp nhận, nhưng tác động tích cực chỉ được phát huy khi địa phương có chất lượng thể chế tốt, hạ tầng đồng bộ, nguồn nhân lực phù hợp, năng lực hấp thụ công nghệ và chính sách môi trường đủ chặt chẽ. Vì vậy, xu hướng nghiên cứu hiện đại nhấn mạnh chất lượng FDI, đổi mới sáng tạo, việc làm chất lượng, khử carbon, liên kết chuỗi giá trị và phát triển vùng bền vững.

1.1.2. Nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam

Bảng 1.2 là tổng hợp các công trình nghiên cứu trong nước về FDI. Từ hệ thống các nghiên cứu trước đây cho thấy, các tác giả mặc dù tiếp cận FDI trên các địa bàn và góc độ khác nhau song đều đánh giá vai trò của FDI rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và các địa phương nói riêng. FDI góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu ngân sách, giải quyết việc làm....

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về phát triển kinh tế bền vững

Các nghiên cứu về phát triển kinh tế bền vững và thu hút FDI ở cấp địa phương khẳng định yêu cầu kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Đối với cấp tỉnh, thu hút FDI không thể chỉ dừng ở ưu đãi thuế hay mở rộng quy mô vốn mà phải gắn với chất lượng dự án, công nghệ, tiêu chuẩn môi

trường, khả năng liên kết với doanh nghiệp trong nước, đóng góp ngân sách, việc làm, nâng cao năng suất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đây là cơ sở để luận án kế thừa, phát triển và kiểm định trong trường hợp tỉnh Hưng Yên.

1.2. Đánh giá các nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu

1.2.1. Đánh giá về mặt lý luận

Về lý luận, các nghiên cứu trước đã hình thành nền tảng tương đối đầy đủ về FDI, động cơ đầu tư, tác động lan tỏa, vai trò của thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực và thị trường. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu vẫn tiếp cận FDI theo quy mô vốn, tác động tăng trưởng hoặc theo cấp quốc gia; số nghiên cứu xem xét đồng thời chính sách tài chính, chất lượng FDI và phát triển kinh tế bền vững ở cấp tỉnh còn hạn chế, nhất là trong bối cảnh phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn và cạnh tranh thu hút FDI chất lượng cao.

1.2.2. Đánh giá về mặt thực tiễn

Về thực tiễn, các công trình trong nước đã phân tích vai trò của FDI đối với tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu, xuất khẩu, thu ngân sách và việc làm tại nhiều địa phương. Một số nghiên cứu gần đây đã quan tâm hơn đến FDI gắn với phát triển bền vững, nhưng còn thiếu công trình đánh giá một cách hệ thống trường hợp tỉnh Hưng Yên dưới góc độ tài chính - ngân hàng, kết hợp cả dữ liệu thứ cấp, khảo sát doanh nghiệp và mô hình định lượng để xác định nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư.

1.2.3. Đánh giá về phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp, nhiều nghiên cứu quốc tế sử dụng mô hình định lượng với dữ liệu bảng hoặc chuỗi thời gian, trong khi nhiều nghiên cứu trong nước vẫn thiên về mô tả, tổng hợp và đánh giá chính sách. Luận án khắc phục hạn chế này bằng cách kết hợp định tính và định lượng, sử dụng khảo sát 279 phiếu hợp lệ, kiểm định Cronbach's Alpha, EFA và hồi quy đa biến để bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho địa phương cấp tỉnh.

1.3. Khoảng trống nghiên cứu

Khoảng trống nghiên cứu chủ yếu của luận án nằm ở ba phương diện: (i) chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về thu hút FDI gắn với phát triển kinh tế bền vững ở cấp tỉnh dưới góc độ tài chính - ngân hàng; (ii) thiếu mô hình thực nghiệm lượng hóa mức độ tác động của các nhân tố như cơ sở hạ tầng, chính sách thể chế, nguồn nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng thị trường và lợi thế chi phí đến quyết định đầu tư FDI; (iii) đối với Hưng Yên, chưa có công trình hệ thống hóa lý luận, đánh giá thực trạng giai đoạn 2000–2025 và đề xuất giải pháp tài chính cho giai đoạn đến năm 2030 trong bối cảnh phát triển xanh, chuyển dịch chuỗi cung ứng và nâng cao chất lượng FDI.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu và đóng góp mới của luận án

Luận án tập trung trả lời các câu hỏi: cơ sở lý luận nào giải thích mối quan hệ giữa thu hút FDI và phát triển kinh tế bền vững ở cấp tỉnh; thực trạng thu hút FDI tại Hưng Yên giai đoạn 2000–2025 ra sao; các nhân tố nào ảnh hưởng đến quyết định đầu tư FDI; chính sách tài chính cần hoàn thiện theo hướng nào để thu hút FDI chất lượng cao. Đóng góp mới của luận án là bổ sung khung lý luận và tiêu chí đánh giá thu hút FDI gắn với phát triển bền vững, kiểm định mô hình nhân tố ảnh hưởng bằng dữ liệu khảo sát 279 phiếu, đồng thời đề xuất nhóm giải pháp tài chính phù hợp với điều kiện của tỉnh Hưng Yên.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở CẤP TỈNH

2.1. Lý luận chung về đầu tư trực tiếp nước ngoài và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài

Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment – FDI) là một trong những hình thức đầu tư quốc tế quan trọng, phản ánh sự di chuyển vốn từ quốc gia này sang quốc gia khác nhằm thiết lập quyền sở hữu và kiểm soát lâu dài đối với hoạt động sản xuất – kinh doanh tại nước tiếp nhận đầu tư. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, FDI không chỉ là dòng vốn bổ sung cho nền kinh tế mà còn là kênh chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý và tri thức hiện đại giữa các quốc gia.

2.1.2. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment Attraction) đã trở thành một trong những chiến lược quan trọng của nhiều quốc gia và địa phương nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực sản xuất và tăng cường khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Đối với các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, thu hút FDI không chỉ là giải pháp bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển mà còn là kênh quan trọng để tiếp nhận công nghệ, kỹ năng quản lý và mở rộng thị trường quốc tế.

Theo UNCTAD (2023), thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài được hiểu là tổng thể các chính sách, cơ chế và hoạt động của chính phủ và chính quyền địa phương nhằm tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đưa vốn, công nghệ và nguồn lực vào thực hiện các hoạt động sản xuất – kinh doanh tại quốc gia hoặc địa phương tiếp nhận đầu tư. Từ góc độ quản lý kinh tế, thu hút FDI không chỉ dừng lại ở việc gia tăng số lượng dự án đầu tư mà còn hướng tới nâng cao chất lượng dòng vốn đầu tư, bảo đảm sự phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của quốc gia hoặc địa phương.

2.2. Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế bền vững

2.2.1. Khái niệm phát triển kinh tế bền vững

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và cạnh tranh phát triển ngày càng gay gắt, phát triển kinh tế bền vững đã trở thành định hướng chiến lược của nhiều quốc gia và địa phương, trong đó có Việt Nam. Theo Liên hợp quốc, phát triển bền vững là quá trình phát triển đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện

tại nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai (United Nations, 2015). Quan điểm này nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường trong dài hạn.

2.2.2. Nội dung của phát triển kinh tế bền vững

Phát triển kinh tế bền vững là quá trình phát triển bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường nhằm duy trì ổn định và nâng cao chất lượng phát triển trong dài hạn. Theo quan điểm của Liên hợp quốc, phát triển bền vững được xây dựng trên ba trụ cột cơ bản gồm kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó các yếu tố này có mối quan hệ tương hỗ và tác động qua lại lẫn nhau (United Nations, 2015). Trong điều kiện hiện nay, phát triển kinh tế bền vững không chỉ phản ánh tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế mà còn thể hiện chất lượng tăng trưởng, hiệu quả sử dụng nguồn lực và khả năng duy trì sự phát triển ổn định trong tương lai.

2.3. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn với phát triển kinh tế bền vững tại địa phương cấp tỉnh

2.3.1. Khái niệm và mối quan hệ giữa thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế bền vững tại địa phương cấp tỉnh

Thu hút FDI gắn với phát triển kinh tế bền vững tại địa phương cấp tỉnh được hiểu là quá trình chính quyền địa phương sử dụng đồng bộ chính sách, công cụ tài chính, cải cách thể chế, phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực và xúc tiến đầu tư để lựa chọn, định hướng và hỗ trợ các dự án FDI có đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Mối quan hệ giữa FDI và phát triển bền vững không mang tính tự động; hiệu quả phụ thuộc vào chất lượng dòng vốn, năng lực hấp thụ của địa phương và khả năng điều tiết chính sách.

2.3.2. Nội dung thu hút FDI gắn với phát triển kinh tế bền vững tại địa phương

Nội dung thu hút FDI gắn với phát triển bền vững bao gồm: hoàn thiện môi trường đầu tư minh bạch, ổn định và có khả năng dự báo; lựa chọn dự án theo tiêu chí công nghệ, giá trị gia tăng, liên kết và tiêu chuẩn môi trường; phát triển hạ tầng khu công nghiệp, logistics, đô thị và dịch vụ hỗ trợ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước; kiểm soát tác động môi trường và thúc đẩy chuyển đổi xanh. Đối với Hưng Yên, các nội dung này đặc biệt quan trọng do tỉnh có tốc độ công nghiệp hóa nhanh, áp lực sử dụng đất, hạ tầng và môi trường ngày càng lớn.

2.4. Chính sách và công cụ tài chính trong thu hút FDI gắn với phát triển kinh tế bền vững tại địa phương

2.4.1. Chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với nhà đầu tư nước ngoài

Chính sách thuế là một trong những công cụ tài chính quan trọng của Nhà nước nhằm điều tiết nền kinh tế và định hướng các dòng vốn đầu tư. Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư quốc tế ngày càng gia tăng, nhiều quốc gia và địa phương đã sử dụng các chính sách ưu đãi thuế như một giải pháp nhằm nâng cao sức hấp dẫn của môi trường đầu tư và khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài triển khai các dự án đầu tư tại địa phương. Theo OECD (2020), chính sách ưu đãi thuế là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp đa quốc gia, đặc biệt trong giai đoạn lựa chọn địa điểm đầu tư.

2.4.2. Chính sách chi ngân sách nhà nước cho phát triển hạ tầng đầu tư

Chính sách chi ngân sách nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập các điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng cần thiết cho phát triển kinh tế. Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư giữa các quốc gia và địa phương ngày càng gia tăng, việc sử dụng hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng được xem là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao sức hấp dẫn của môi trường đầu tư và thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Theo World Bank (2020), chất lượng và mức độ phát triển của hệ thống kết cấu hạ tầng có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư của các doanh

nghiệp đa quốc gia, bởi hạ tầng tốt giúp giảm chi phí sản xuất, chi phí vận chuyển và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

2.4.3. Chính sách tín dụng và hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp FDI

Bên cạnh các chính sách tài khóa như ưu đãi thuế và chi ngân sách cho phát triển hạ tầng, chính sách tín dụng và các cơ chế hỗ trợ tài chính cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi và thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Thông qua hệ thống tín dụng ngân hàng và các quỹ hỗ trợ tài chính, Nhà nước có thể cung cấp các nguồn lực tài chính cần thiết nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình triển khai và mở rộng hoạt động đầu tư, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

2.4.4. Các công cụ tài chính thúc đẩy thu hút FDI phát triển kinh tế bền vững

Biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và áp lực môi trường ngày càng gia tăng, nhiều quốc gia và địa phương đã chuyển từ mô hình thu hút đầu tư truyền thống sang mô hình thu hút đầu tư phát triển kinh tế bền vững, trong đó ưu tiên các dự án đầu tư thân thiện với môi trường, sử dụng công nghệ sạch và có giá trị gia tăng cao. Để thực hiện mục tiêu này, các công cụ tài chính đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện các dự án đầu tư phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế bền vững tại địa phương cấp tỉnh

Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI ở cấp địa phương được luận án tổng hợp thành sáu nhóm chủ yếu: tiềm năng thị trường, lợi thế chi phí, tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa lý, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, chính sách - thể chế. Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu và thực tiễn Hưng Yên, luận án xây dựng các giả thuyết nghiên cứu theo hướng các nhân tố trên có tác động tích cực đến quyết định đầu tư FDI, trong đó cơ sở hạ tầng, chính sách thể chế và nguồn nhân lực được kỳ vọng

giữ vai trò quan trọng trong bối cảnh dòng vốn FDI dịch chuyển từ lợi thế chi phí sang lợi thế chất lượng môi trường đầu tư.

2.6. Các tiêu chí đánh giá thu hút vốn FDI để phát triển kinh tế bền vững tại địa phương cấp tỉnh

Hệ tiêu chí đánh giá thu hút FDI gắn với phát triển kinh tế bền vững cần phản ánh cả quy mô và chất lượng dòng vốn. Luận án tiếp cận theo các nhóm tiêu chí: quy mô vốn đăng ký và vốn thực hiện, số lượng dự án, cơ cấu theo ngành, địa bàn và đối tác; đóng góp của khu vực FDI vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu, thu ngân sách, xuất khẩu, năng suất và việc làm; mức độ liên kết với doanh nghiệp trong nước; chất lượng công nghệ; sử dụng tài nguyên, tuân thủ môi trường và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng xanh.

2.7. Kinh nghiệm thu hút FDI vào phát triển bền vững và bài học cho tỉnh Hưng Yên

Kinh nghiệm của một số quốc gia và địa phương cho thấy thu hút FDI bền vững cần dựa trên chiến lược chọn lọc, hạ tầng đồng bộ, thể chế minh bạch, nguồn nhân lực chất lượng, ưu đãi gắn với hiệu quả thực hiện và cơ chế giám sát môi trường. Bài học đối với Hưng Yên là chuyển mạnh từ cạnh tranh bằng ưu đãi và chi phí sang cạnh tranh bằng chất lượng điều hành, hạ tầng, dịch vụ công, liên kết vùng, công nghiệp hỗ trợ, đổi mới sáng tạo và tiêu chuẩn phát triển xanh.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG TẠI TỈNH HƯNG YÊN

3.1. Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Hưng Yên

3.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên ảnh hưởng đến thu hút FDI

Điều kiện tự nhiên của tỉnh Hưng Yên ảnh hưởng đến thu hút FDI

Tỉnh Hưng Yên có lợi thế nổi bật về vị trí địa lý khi nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, gần Thủ đô Hà Nội, kết nối thuận lợi với các cực tăng trưởng phía Bắc, cảng biển Hải Phòng, sân bay Nội Bài và các hành lang kinh tế liên vùng. Sau điều chỉnh, sắp xếp địa giới hành chính, không gian phát triển của tỉnh được mở rộng, tạo thêm dư địa về công nghiệp, logistics, đô thị, dịch vụ và liên kết vùng. Đây là điều kiện thuận lợi để thu hút FDI, nhưng cũng đặt ra yêu cầu quản lý phát triển bền vững về đất đai, hạ tầng, môi trường và nguồn nhân lực.

3.1.2. Chính sách thu hút FDI góp phần phát triển kinh tế bền vững của tỉnh Hưng Yên

Chính sách thu hút FDI của Hưng Yên thời gian qua thể hiện định hướng thu hút có chọn lọc, ưu tiên công nghiệp chế biến - chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao, logistics, đô thị, dịch vụ chất lượng cao và các dự án thân thiện môi trường. Tỉnh thực hiện chính sách ưu đãi theo khung pháp luật về đầu tư, đồng thời chú trọng cải thiện thủ tục hành chính, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội trong quá trình thu hút, thẩm định và quản lý dự án FDI.

3.1.3. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Hưng Yên

3.1.3.1. Khái quát chung về đầu tư nước ngoài ở tỉnh Hưng Yên

Trong giai đoạn 2000–2025, thu hút FDI của Hưng Yên có sự gia tăng rõ rệt cả về số dự án và quy mô vốn. Theo thống kê trong luận án, lũy kế đến năm 2025, tỉnh thu hút 553 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 6.803,64 triệu USD; trong đó 316 dự án nằm trong khu công nghiệp với vốn đăng ký khoảng 5.981,90 triệu USD, cho thấy khu công nghiệp là không gian chủ yếu tiếp nhận dòng vốn FDI của tỉnh.

Xét theo giai đoạn, trước năm 2000 tỉnh mới có 03 dự án với 47,012 triệu USD vốn đăng ký. Giai đoạn 2001–2005 thu hút 34 dự án, 225,57 triệu USD; giai đoạn 2006–2010 đạt 115 dự án, 1.796,7 triệu USD; giai đoạn 2011–2015 đạt 139 dự án, 1.648,1 triệu USD; giai đoạn 2016–2020 đạt 162 dự án, 2.133,1 triệu USD;

giai đoạn 2021–2025 đạt 100 dự án, 953,22 triệu USD. Các con số này phản ánh quá trình chuyển biến từ thu hút ban đầu sang phát triển mạnh theo mô hình khu công nghiệp và công nghiệp chế biến, chế tạo.

Trong các năm gần đây, Hưng Yên tiếp tục duy trì sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài nhờ cải thiện hạ tầng, cải cách thủ tục và lợi thế liên kết vùng. Năm 2023 và 2024 ghi nhận mức thu hút FDI tích cực; đến năm 2025, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, phát triển khu công nghiệp, mở rộng không gian phát triển và định hướng lựa chọn dòng vốn có chất lượng hơn.

3.1.3.2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Hưng Yên theo địa bàn, đối tác, lĩnh vực đầu tư

Theo địa bàn đầu tư, các khu công nghiệp Thăng Long II, Phố Nối A, Phố Nối B, Yên Mỹ I & II là những khu vực thu hút nhiều dự án và vốn FDI. Thăng Long II có 95 dự án, chiếm 17,2%; Phố Nối A có 72 dự án, chiếm 13,0%; về vốn đăng ký, Phố Nối A đạt khoảng 1.310 triệu USD, Yên Mỹ I & II khoảng 1.286,97 triệu USD, Thăng Long II khoảng 1.266,10 triệu USD và Phố Nối B khoảng 1.182 triệu USD. Theo đối tác, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc là ba nhóm nhà đầu tư lớn nhất; Nhật Bản có 171 dự án, chiếm 31,7% và vốn đăng ký khoảng 3.752,99 triệu USD, chiếm 55,2%. Theo lĩnh vực, FDI tập trung vào điện - điện tử - tin học - viễn thông, cơ khí chế tạo, dệt may, linh kiện ô tô - xe máy và công nghiệp sản xuất.

3.1.4. So sánh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Hưng Yên với các tỉnh lân cận

So sánh với các tỉnh lân cận cho thấy Hưng Yên có vị thế đáng kể trong vùng đồng bằng sông Hồng, đặc biệt nhờ lợi thế gần Hà Nội, kết nối với Hải Phòng và mạng lưới khu công nghiệp phát triển. Quy mô số dự án của Hưng Yên tương đối cao, nhưng vốn bình quân mỗi dự án và tỷ trọng dự án công nghệ cao vẫn cần tiếp tục cải thiện để cạnh tranh với các trung tâm FDI mạnh như Bắc Ninh và Hải Phòng.

Giai đoạn 2020–2025 cho thấy Hưng Yên duy trì nhịp tăng trưởng FDI ổn định, song cần chuyển từ lợi thế vị trí và chi phí sang lợi thế hạ tầng, công nghệ,

thể chế, nguồn nhân lực và phát triển xanh. Đây là yêu cầu quan trọng để nâng cao chất lượng dòng vốn, hạn chế rủi ro phát triển theo chiều rộng và tăng khả năng lan tỏa của khu vực FDI đối với kinh tế địa phương.

3.2. Đóng góp của FDI vào phát triển bền vững tại tỉnh Hưng Yên

3.2.1. Đóng góp về kinh tế

FDI đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế của Hưng Yên thông qua bổ sung vốn đầu tư, thúc đẩy sản xuất công nghiệp, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và mở rộng xuất khẩu. Tỷ trọng vốn FDI trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng từ 17,8% năm 2011 lên 33,4% năm 2024, có thời điểm đạt 45,3% năm 2021. Quy mô và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp FDI cũng cải thiện rõ rệt: bình quân nguồn vốn kinh doanh tăng từ 41.612 tỷ đồng giai đoạn 2011–2015 lên 70.574 tỷ đồng giai đoạn 2016–2025; doanh thu thuần tăng từ 26.346 tỷ đồng lên 67.551 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế tăng từ 862 tỷ đồng lên 5.211 tỷ đồng. Điều này cho thấy khu vực FDI đã trở thành một động lực quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu và nâng cao năng lực sản xuất của tỉnh.

3.2.2. Đóng góp về xã hội

Về xã hội, khu vực FDI góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và thúc đẩy hình thành lực lượng lao động công nghiệp. Bình quân giai đoạn 2011–2015, doanh nghiệp FDI sử dụng khoảng 49.703 lao động với thu nhập bình quân 5.739 nghìn đồng/tháng; giai đoạn 2016–2025 tăng lên khoảng 77.487 lao động với thu nhập bình quân 8.448 nghìn đồng/tháng, cao hơn mức bình quân chung của khu vực doanh nghiệp trên địa bàn. Đây là đóng góp quan trọng đối với chuyển dịch lao động và an sinh xã hội địa phương.

3.2.3. Đóng góp về môi trường

Về môi trường, FDI tạo cơ hội tiếp cận công nghệ, tiêu chuẩn quản trị và tiêu chuẩn môi trường cao hơn, nhất là trong các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải, chất thải và quản lý môi trường tập trung. Tuy nhiên, tác động tích cực không tự động hình thành; tỉnh cần tiếp tục kiểm soát lựa chọn dự án, giám sát

vận hành, nâng cao tiêu chuẩn môi trường và ưu tiên các dự án công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, phát thải thấp.

3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên

3.3.1. Thang đo và mẫu nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu sử dụng 06 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư FDI: tiềm năng thị trường (TNTT), lợi thế chi phí (LTCP), tài nguyên thiên nhiên/vị trí địa lý (TNTN), nguồn nhân lực (NNL), cơ sở hạ tầng (CSHT), chính sách thể chế (CSTC). Biến phụ thuộc là quyết định đầu tư (DAUTU). Mẫu khảo sát gồm 279 phiếu hợp lệ từ doanh nghiệp FDI, cán bộ quản lý và chuyên gia; thang đo được xây dựng theo Likert 5 mức độ và được kiểm định độ tin cậy, giá trị hội tụ, phân biệt trước khi hồi quy.

3.3.2. Kết quả phân tích hồi quy

3.3.2.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Kết quả Cronbach's Alpha cho thấy các thang đo đạt độ tin cậy; các biến quan sát có tương quan biến - tổng phù hợp. Phân tích nhân tố khám phá EFA có KMO = 0,948 và kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê, chứng tỏ dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. Sáu nhóm nhân tố sau khi xoay có cấu trúc rõ ràng, phản ánh các khía cạnh chủ yếu ảnh hưởng đến thu hút FDI tại Hưng Yên.

3.3.2.2. Phân tích hồi quy

Hồi quy tuyến tính bội được thực hiện với 06 biến độc lập (CSHT, CSTC, NNL, LTCP, TNTN, TNTT) và biến phụ thuộc DAUTU. Mô hình có $R = 0,839$; R Square = 0,703; Adjusted R Square = 0,697, nghĩa là các nhân tố trong mô hình giải thích khoảng 69,7% sự biến thiên của quyết định đầu tư. Kiểm định ANOVA có Sig. = 0,000, cho thấy mô hình phù hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Bảng tóm tắt kết quả mô hình hồi quy các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư FDI vào tỉnh Hưng Yên

Biến	B	Beta	t	Sig.	VIF
TNTT	,168	,161	3,083	,002	2,485
LTCP	,061	,060	1,263	,208	2,051
TNTN	,229	,211	4,480	,000	2,036
NNL	,095	,091	2,042	,042	1,808
CSHT	,368	,352	7,246	,000	2,159
CSTC	,160	,149	3,232	,001	1,959

Ghi chú: R = ,839; R Square = ,703; Adjusted R Square = ,697; a.

Dependent Variable: DAUTU.

Kết quả hồi quy cho thấy cơ sở hạ tầng (CSHT) là nhân tố có tác động mạnh nhất đến quyết định đầu tư FDI (Beta = 0,352), tiếp đến là tài nguyên thiên nhiên/vị trí địa lý (TNTN, Beta = 0,211), tiềm năng thị trường (TNTT, Beta = 0,161), chính sách thuế chế (CSTC, Beta = 0,149) và nguồn nhân lực (NNL, Beta = 0,091). Nhân tố lợi thế chi phí (LTCP) có Sig. = 0,208 nên chưa đủ cơ sở khẳng định có ý nghĩa thống kê trong mô hình. Các hệ số VIF từ 1,808 đến 2,485, nhỏ hơn 3, cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến nghiêm trọng. Kết quả này phản ánh xu hướng nhà đầu tư ngày càng coi trọng chất lượng hạ tầng, vị trí, thị trường và thuế chế hơn là lợi thế chi phí đơn thuần.

3.4. Đánh giá tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế bền vững tỉnh Hưng Yên

Kết quả đạt được nổi bật là quy mô FDI của tỉnh tăng nhanh qua các giai đoạn; khu vực FDI đóng góp đáng kể vào vốn đầu tư xã hội, sản xuất công nghiệp, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập người lao động và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hệ thống khu công nghiệp, hạ tầng kết nối, chính sách xúc tiến và cải cách thủ tục đã tạo nền tảng quan trọng cho thu hút FDI.

Tồn tại chủ yếu là chất lượng FDI chưa thật sự đồng đều; một số dự án còn thiên về gia công, thâm dụng lao động, giá trị gia tăng và liên kết với doanh nghiệp trong nước chưa cao; công nghiệp hỗ trợ phát triển chưa tương xứng; áp

lực về đất đai, môi trường, nhà ở công nhân, hạ tầng xã hội và chất lượng nguồn nhân lực ngày càng lớn.

Nguyên nhân xuất phát từ hạn chế về chất lượng hạ tầng, quỹ đất sạch, năng lực liên kết vùng, chất lượng lao động kỹ thuật, công nghiệp hỗ trợ, chính sách chọn lọc dự án và năng lực giám sát sau cấp phép. Đồng thời, cạnh tranh thu hút FDI giữa các địa phương trong vùng ngày càng gay gắt, trong khi tiêu chuẩn của nhà đầu tư quốc tế chuyển mạnh sang phát triển xanh, số hóa và bền vững.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG TẠI TỈNH HUNG YÊN ĐẾN NĂM 2030

4.1. Quan điểm, định hướng, bối cảnh và các dự báo về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên

4.1.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế ảnh hưởng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên

Tác động của bối cảnh quốc tế

Tác động của bối cảnh quốc tế ảnh hưởng đến hoàn thiện giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên các khía cạnh sau:

Bối cảnh quốc tế đến năm 2030 tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với Hưng Yên. Làn sóng tái cấu trúc chuỗi cung ứng, chiến lược China+1, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0, tăng trưởng xanh, yêu cầu ESG và cạnh tranh thu hút FDI chất lượng cao đang làm thay đổi tiêu chí lựa chọn địa điểm đầu tư. Nhà đầu tư không chỉ quan tâm chi phí mà còn coi trọng hạ tầng, nguồn nhân lực, chất lượng quản trị, khả năng tuân thủ môi trường, logistics và ổn định chính sách. Điều này phù hợp với lợi thế của Hưng Yên nhưng cũng đòi hỏi tỉnh phải đổi mới chính sách tài chính, nâng cấp hạ tầng và nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Ở trong nước, việc hoàn thiện thể chế, thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế số, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng và cạnh tranh giữa các địa

phương yêu cầu Hưng Yên phải xác định rõ phân khúc FDI ưu tiên. Tỉnh cần hướng tới các dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, logistics, đô thị thông minh, dịch vụ chất lượng cao và các ngành có giá trị gia tăng lớn, đồng thời hạn chế các dự án tiêu tốn tài nguyên, phát thải cao hoặc có mức lan tỏa thấp.

4.1.2. Quan điểm, định hướng về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên

Quan điểm chủ đạo của luận án là thu hút FDI phải là một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển bền vững tỉnh Hưng Yên, không phải mục tiêu tự thân. Tỉnh cần ưu tiên chất lượng, hiệu quả, công nghệ, tiêu chuẩn môi trường và khả năng lan tỏa thay vì chỉ chạy theo số lượng dự án hoặc quy mô vốn. Các dự án FDI cần được lựa chọn theo đóng góp vào tăng trưởng xanh, năng suất, ngân sách, việc làm chất lượng và liên kết với doanh nghiệp trong nước.

Định hướng thu hút FDI của Hưng Yên đến năm 2030 là tập trung vào công nghiệp chế biến - chế tạo công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, điện tử, cơ khí chính xác, linh kiện ô tô - xe máy, logistics, đô thị - dịch vụ thông minh, nông nghiệp công nghệ cao và các lĩnh vực thân thiện môi trường. Tỉnh cần hình thành các khu công nghiệp sinh thái, hạ tầng đồng bộ, dịch vụ một cửa chuyên nghiệp, cơ chế hậu kiểm hiệu quả và hệ sinh thái hỗ trợ nhà đầu tư.

Một định hướng quan trọng khác là gắn thu hút FDI với phát triển doanh nghiệp trong nước và nguồn nhân lực địa phương. Các dự án FDI cần tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng, chuyển giao công nghệ, nâng cao kỹ năng quản trị và tiêu chuẩn sản xuất. Đồng thời, tỉnh cần đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo kỹ thuật, liên kết giữa cơ sở giáo dục - doanh nghiệp - khu công nghiệp để đáp ứng yêu cầu của dòng vốn FDI thế hệ mới.

4.1.3. Dự báo nhu cầu về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các nguồn lực khác phục vụ phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025–2030

Dự báo nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2025–2030 cần đặt trong mục tiêu tăng trưởng, công nghiệp hóa, đô thị hóa và phát triển xanh của tỉnh. Nhu cầu vốn cho

hạ tầng kinh tế - xã hội, khu công nghiệp, logistics, giao thông, nhà ở công nhân, xử lý môi trường và đô thị thông minh là rất lớn; do đó FDI không chỉ có ý nghĩa bổ sung vốn mà còn mang lại công nghệ, quản trị, tiêu chuẩn sản xuất và kết nối thị trường quốc tế.

Luận án tiếp cận dự báo FDI theo ba kịch bản. Kịch bản thận trọng là duy trì nhịp thu hút tương đương giai đoạn gần đây; kịch bản cơ sở là cải thiện dần chất lượng hạ tầng, thủ tục và xúc tiến để nâng quy mô, chất lượng dự án; kịch bản tích cực là Hưng Yên khai thác hiệu quả lợi thế vùng, cải thiện mạnh môi trường đầu tư và thu hút được các dự án công nghệ cao, logistics, công nghiệp hỗ trợ, đô thị thông minh và xanh. Dù ở kịch bản nào, yêu cầu cốt lõi vẫn là nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của FDI.

4.2. Giải pháp thúc đẩy FDI bền vững tỉnh Hưng Yên

4.2.1. Các nhóm giải pháp về quản lý, chính sách

Hoàn thiện chính sách tài chính địa phương theo hướng thu hút FDI chất lượng cao và phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy hoạt động thu hút FDI tại Hưng Yên chịu ảnh hưởng mạnh nhất bởi cơ sở hạ tầng, tiếp đến là tài nguyên/vị trí địa lý, tiềm năng thị trường, chính sách thể chế và nguồn nhân lực; trong khi lợi thế chi phí không có ý nghĩa thống kê. Vì vậy, chính sách tài chính địa phương cần chuyển từ ưu đãi dàn trải sang ưu đãi có điều kiện, gắn với công nghệ, môi trường, liên kết, đào tạo lao động, thực hiện cam kết đầu tư và đóng góp dài hạn cho tỉnh.

Tỉnh cần hoàn thiện chính sách tài chính theo hướng: ưu tiên nguồn lực ngân sách cho hạ tầng then chốt; thiết kế cơ chế hỗ trợ sau cấp phép; tăng cường chính sách thuế, phí, tiền thuê đất theo đúng quy định nhưng có chọn lọc; phát triển quỹ đất sạch, khu công nghiệp sinh thái; thúc đẩy hợp tác công tư trong hạ tầng; đồng thời nâng cao minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả chi ngân sách cho xúc tiến đầu tư, đào tạo nhân lực, bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, cần phát triển hệ thống tài chính - ngân hàng hỗ trợ doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp liên kết: mở rộng dịch vụ tín dụng, bảo lãnh, thanh

toán quốc tế, ngoại hối, tài trợ chuỗi cung ứng; hỗ trợ doanh nghiệp trong nước nâng cấp tiêu chuẩn để tham gia chuỗi cung ứng FDI; khuyến khích tài chính xanh, tín dụng xanh và các công cụ tài chính phục vụ đổi mới công nghệ, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải.

4.2.2. Nhóm giải pháp phát triển các điều kiện nền tảng phục vụ thu hút FDI bền vững

Tỉnh cần ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, logistics, điện, nước, xử lý nước thải, chất thải, viễn thông, hạ tầng số và hạ tầng xã hội quanh khu công nghiệp. Đồng thời, cần chuẩn bị quỹ đất sạch, đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, phát triển khu công nghiệp sinh thái, nâng cấp dịch vụ hành chính công và tạo cơ chế phối hợp liên ngành. Về nguồn nhân lực, cần liên kết doanh nghiệp FDI với các cơ sở đào tạo, phát triển chương trình đào tạo nghề theo đặt hàng, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng kỹ thuật và kỷ luật lao động.

4.2.3. Nhóm giải pháp định hướng thu hút FDI gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phát triển bền vững

Hung Yên cần chuyển từ thu hút FDI theo chiều rộng sang chiều sâu, ưu tiên dự án có công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, sử dụng đất tiết kiệm, phát thải thấp, có liên kết với doanh nghiệp trong nước và cam kết đào tạo lao động. Tỉnh cần xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư có chọn lọc, áp dụng bộ tiêu chí sàng lọc về công nghệ, môi trường, năng lượng, lao động và đóng góp ngân sách; đồng thời tăng cường giám sát sau cấp phép, đánh giá định kỳ hiệu quả thực hiện dự án và xử lý dự án chậm triển khai hoặc không đáp ứng cam kết.

4.3. Kiến nghị và đề xuất

Luận án kiến nghị Trung ương tiếp tục hoàn thiện chính sách pháp luật về đầu tư, thuế, đất đai, môi trường, khu công nghiệp sinh thái, tài chính xanh và phân cấp quản lý đầu tư; đồng thời tăng cường hỗ trợ địa phương trong xúc tiến đầu tư chiến lược, phát triển hạ tầng vùng và đào tạo nguồn nhân lực. Đối với tỉnh Hưng Yên, cần ban hành chương trình hành động về thu hút FDI bền vững đến năm 2030, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nhà đầu tư, xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn dự

án, nâng cao chất lượng thâm định, cải thiện dịch vụ công và đẩy mạnh đối thoại doanh nghiệp.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN

Luận án khẳng định thu hút FDI để phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên là yêu cầu có ý nghĩa chiến lược trong bối cảnh chuyển dịch chuỗi cung ứng, cạnh tranh thu hút vốn quốc tế, phát triển xanh và đổi mới mô hình tăng trưởng. Hưng Yên có nhiều lợi thế về vị trí, hạ tầng, khu công nghiệp, thị trường và liên kết vùng, nhưng để phát huy hiệu quả FDI, tỉnh cần chuyển mạnh từ thu hút theo số lượng sang thu hút theo chất lượng.

Về lý luận, luận án đã hệ thống hóa cơ sở khoa học về FDI, thu hút FDI, phát triển kinh tế bền vững và mối quan hệ giữa thu hút FDI với phát triển bền vững ở cấp tỉnh; làm rõ vai trò của chính sách và công cụ tài chính trong định hướng dòng vốn FDI. Về thực tiễn, luận án phân tích thực trạng thu hút FDI tại Hưng Yên giai đoạn 2000–2025, chỉ ra đóng góp về kinh tế, xã hội, môi trường cũng như các hạn chế về chất lượng, liên kết, công nghệ và áp lực phát triển.

Kết quả định lượng từ 279 phiếu khảo sát cho thấy các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư FDI tại Hưng Yên gồm cơ sở hạ tầng, tài nguyên/vị trí địa lý, tiềm năng thị trường, chính sách thể chế và nguồn nhân lực; trong đó cơ sở hạ tầng có tác động mạnh nhất, còn lợi thế chi phí chưa có ý nghĩa thống kê. Kết quả này là căn cứ quan trọng để luận án đề xuất các giải pháp tài chính và quản trị địa phương theo hướng nâng cao chất lượng môi trường đầu tư.

Hệ thống giải pháp đề xuất tập trung vào hoàn thiện chính sách tài chính địa phương, ưu tiên chi ngân sách cho hạ tầng, phát triển tài chính xanh, hỗ trợ doanh nghiệp liên kết, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khu công nghiệp sinh thái, tăng cường chọn lọc dự án và giám sát sau cấp phép. Các giải pháp này nhằm giúp Hưng Yên thu hút FDI chất lượng cao, tạo động lực tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và đóng góp tích cực vào phát triển vùng đồng bằng sông Hồng.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Tác động của COVID-19 đến đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam	Tháng 3-2024	Tạp chí nghiên cứu khoa học và học thuật toàn cầu về kinh tế, kinh doanh và sự quản lý
2	Cơ hội và thách thức thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh mới	Tháng 5-2025	Nghiên cứu Tài chính Kế toán
3	Tăng cường thu hút FDI nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững tỉnh Hưng Yên	Tháng 6-2025	Kinh tế và dự báo
4	Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp thủy điện Việt Nam	Tháng 6-2025	Kinh tế và dự báo
5	Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương cấp tỉnh	Tháng 7 - 2025	Nghiên cứu Tài chính Kế toán
6	Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế bền vững tại tỉnh Hưng Yên	Tháng 10-2025	Nghiên cứu Tài chính Kế toán